

朗讀比賽的經典誦材

弟子規

19

zǒng xù
總 叙

dì zǐ guī shèng rén xùn
弟 子 規 聖 人 訓

shǒu xiào tì cì jǐn xìn
首 孝 弟 次 謹 信

fàn ài zhòng ér qīn rén
汎 愛 眾 而 親 仁

yǒu yú lì zé xué wén
有 餘 力 則 學 文

弟子規

20

rù zé xiào
入 則 孝

fù mǔ hū yìng wù huǎn
父 母 呼 應 勿 緩

fù mǔ mìng xíng wù lǎn
父 母 命 行 勿 懶

fù mǔ jiào xū jìng tīng
父 母 教 須 敬 聽

fù mǔ zé xū shùn chéng
父 母 責 須 順 承

弟子規

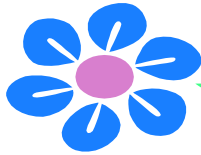
21

jǐn
謹

zhāo 朝	qǐ 起	zǎo 早	yè 夜	mián 眠	chí 遲
lǎo 老	yì 易	zhì 至	xī 惜	cǐ 此	shí 時
chén 晨	bì 必	guàn 盥	jiān 兼	shù 漱	kǒu 口
biàn 便	niào 溺	huí 回	zhé 輒	jìng 淨	shǒu 手

弟子規

22

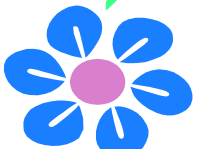


fàn ài zhòng
汎 愛 眾



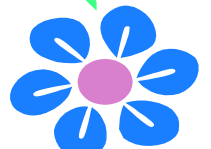
fán shì rén
凡 是 人

jiē xū ài
皆 須 愛



tiān tóng fù
天 同 覆

dì tóng zài
地 同 載



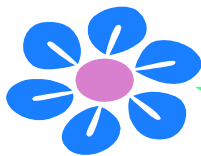
xíng gāo zhě
行 高 者

míng zì gāo
名 自 高



rén suǒ zhòng
人 所 重

fēi mào gāo
非 貌 高



弟子規

23

yú lì xué wén
餘 力 學 文

dú 讀	shū 書	fǎ 法	yǒu 有	sān 三	dào 到
xīn 心	yǎn 眼	kǒu 口	xìn 信	jiē 皆	yào 要
fāng 方	dú 讀	cǐ 此	wù 勿	mù 慕	bǐ 彼
cǐ 此	wèi 未	zhōng 終	bǐ 彼	wù 勿	qǐ 起